PHÒNG GIÁO DỤC QUẬN 3

TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (14 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên	3 (TN1,2, 11) 0,75đ	2 (TL1,3a) 1,5đ		2 (TL2, 3b) 2,5đ		1 (TL4) 1,0đ			7,0
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN4) 0,25đ							1 (TL6) 1,0đ	
3	Các hình phẳng trong thực tiễn(12 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	3 (TN5,10 ,12) 0,75đ								3,0
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN3) 0,25đ	1 (TL5a) 0,5đ		1 (TL5b) 0,5đ		2 (TL5c, 5d) 1,0đ			
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0đ	3 2,0đ		2 3,0đ		3 2,0đ		1 1,0đ	21 10,0đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	**Tập hợp các số tự nhiên**	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên	***Nhận biết:*** – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	3TN (TN1,2,11)			
			– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.				
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.	2TL (TL1, 3a)	2TL (TL2,3b)		
			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.				
			– Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.				
			– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.				
			– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).			1TL (TN4)	

			Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính.				
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	***Nhận biết :*** – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.				
			– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	1TN (TN4)			
			– Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.				
			Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.				1TL (TL6)
			– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.				

			– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...)..				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	***Nhận biết:*** – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	3TN (TN5,10, 12)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	***Nhận biết*** – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1TN (TN3)			
			Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản***)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.		1TL (TL5b)	2TL (TL5c, 5d)	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI
Đề gồm 02 trang

ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ I
Môn: Toán 6 Năm học 2023 – 2024
Thời gian: 60 phút
Không kể thời gian phát đề

ĐỀ A

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. *Hãy ghi phương án đúng trong mỗi câu dưới đây vào giấy làm bài kiểm tra:*

Câu 1. Trong các cách viết sau đây, cách viết đúng là:

A. $1,5 \in N$. **B.** $0 \in N^*$. **C.** $0 \in N$. **D.** $0 \notin N$.

Câu 2. Cho 4 số tự nhiên: 1234; 3456; 5675; 7890. Số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5 là:

A. 1234 . **B.** 3456. **C.** 5675 . **D.** 7890.

Câu 3. Tam giác đều là tam giác có :

A. 5 cạnh bằng nhau. **B.** 4 cạnh bằng nhau.

C. 3 cạnh bằng nhau. **D.** 2 cạnh bằng nhau.

Câu 4. Chọn phát biểu đúng

A. Hình vuông là tứ giác có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.

B. Hình vuông là tứ giác có bốn góc bằng nhau.

C. Hình vuông là tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.

D. Hình vuông là tứ giác có hai cạnh kề bằng nhau.

Câu 5. Số nguyên tố là

A. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó. **B.** số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.

C. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước. **D.** số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

Câu 6. Thứ tự thực hiện đúng các phép tính đối với biểu thức có ngoặc là:

A. $\{\}\to[\,]\to(\,)$. **B.** $(\,)\to[\,]\to\{\}$.

C. $[\,]\to(\,)\to\{\}$. **D.** $(\,)\to\{\}\to[\,]$.

Câu 7: Hình thoi ***không có*** tính chất nào dưới đây?

A. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường. **B**. Các cạnh đối bằng nhau.

C. Hai đường chéo bằng nhau. **D**. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 8: Yếu tố nào sau đây ***không phải*** của hình bình hành?

A. Hai đường chéo bằng nhau. **B.** Hai cạnh đối bằng nhau.
C. Hai cạnh đối song song. **D.** Hai góc đối bằng nhau.

PHẦN 2: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm)

a/ Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử: $A=\{x\in N\,|\,45<x<50\}$

b/ Điền kí hiệu $\in$ hay $\notin$ thích hợp vào ô trống: 45 ☐ A; 49 ☐ A

Bài 2: (1,0 điểm)

a/ Thực hiện phép tính: $567+123.[(45:9)^3-5^2]$

b/ Tính hợp lý: $2023.56+44.2023$

Bài 3: (1,5 điểm) Tìm $x\in\mathbb{N}$, biết:

a) $x-5415=6230$

b) $450+5(x-123)=5^{2024}:5^{2020}$

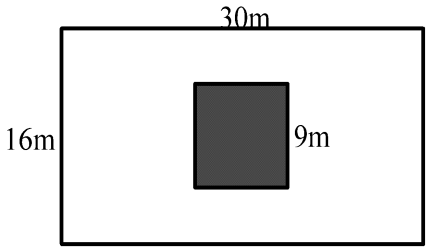
Bài 4: (1,0 điểm) Tìm các số tự nhiên x, y để $\overline{4x532y}$ chia hết cho 2; 5; 9

Bài 5: (1,0 điểm)

Bạn Quân mở một trang web để kết bạn. Trang web đã nhận được 5 lần truy cập trong tuần đầu tiên. Nếu lượng truy cập tăng gấp 5 lần sau mỗi tuần tiếp theo thì sau 4 tuần trang web của bạn Quân có bao nhiêu lượt truy cập?

Bài 5: (1,5 điểm)

Cô Hằng có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài 30m, chiều rộng 16m. Giữa mảnh vườn có một cái ao hình vuông cạnh 9m dùng để nuôi cá, phần còn lại của mảnh vườn cô Hằng dùng để trồng cam.



a) Tính diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật.

b) Tính diện tích phần mảnh vườn cô Hằng dùng trồng cam.

c) Cô Hằng dự định mua lưới B40 để rào xung quanh khu vườn. Biết mỗi mét lưới có giá 180 nghìn đồng. Hỏi cô Hằng cần phải tốn bao nhiêu tiền để mua lưới B40 rào quanh khu vườn?

Bài 6: (1,0 điểm) Không sử dụng máy tính, em hãy so sánh hai số A và B sau:

$$A=2023.2025 \text{ và } B=2024^2$$

-------HẾT-------

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG THCS LÊ LỢI

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HKI
MÔN: TOÁN - KHỐI 6
ĐỀ A

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2 điểm) *Mỗi câu đúng 0,25đ x 8 câu = 2,0 điểm*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	A	A	B	C	A

PHẦN II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
1 (1,0đ)		$A = \{46;\ 47;\ 48;\ 49\}$ $45 \notin A$ $49 \in A$	0,5đ 0,25đx2
2 (1,0đ)	a (0,5đ)	$567 + 123.[(45:9)^3 - 5^2]$ $= 567 + 123.\left[5^3 - 5^2\right]$ $= 567 + 123.100$ $= 567 + 12300$ $= 12867$	 0,25đ 0,25đ
	b (0,5đ)	$2023.56 + 44.2023$ $= 2023.(56 + 44)$ $= 2023.100$ $= 202300$	0,25đ 0,25đ
3 (1,5đ)	a (0,5đ)	$x - 5415 = 6230$ $x = 6230 + 5415$ $x = 11645$	0,25đ 0,25đ

	b (1,0đ)	$450 + 5(x - 123) = 5^{2024} : 5^{2020}$ $450 + 5(x - 123) = 625$ $5(x - 123) = 175$ $x - 123 = 35$ $x = 158$	0,25đx4
3 (1,0đ)		- Để $\overline{4x532y}$ chia hết cho 2 và 5 thì y = 0. Ta được số mới là $\overline{4x5320}$ - Để $\overline{4x5320}$ chia hết cho 9 thì (4+x+5++3+2+0) chia hết cho 9 nên x = 4 Vậy x = 4; y = 0	0,5đ 0,5đ
4 (1,0đ)		Tuần thứ hai nhận được: $5 . 5 = 5^2$ (lượt truy cập) Tuần thứ ba nhận được: $5^2 . 5 = 5^3$ (lượt truy cập) Tuần thứ tư nhận được: $5^3 . 5 = 5^4$ (lượt truy cập) Vậy sau 4 tuần trang web của bạn Quân có số lượt truy cập là: $5 + 5^2 + 5^3 + 5^4 = 780$ (lượt truy cập)	0,25đx4
5 (1,5đ)	a (0,5đ)	Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật: $30.16 = 480$ (m^2)	0,5đ
	b (0,5đ)	Diện tích cái ao hình vuông: $9^2 = 81$ (m^2) Diện tích trồng cam: $480 - 81 = 399$ (m^2)	0,25đ 0,25d
	c (0,5đ)	Chu vi của mảnh vườn hình chữ nhật: $2.(30 + 16) = 2.46 = 92$ (m) Số tiền cô Hằng cần phải tốn để mua lưới B40 rào quanh khu vườn là: 92. 180 = 16 560 (nghìn đồng) = 16 560 000 (đồng)	0,25đ 0,25đ
6 (1,0đ)		$A = 2023.2025 = 2023.(2024 + 1) = 2023.2024 + 2023$ $B = 2024^2 = 2024.2024 = 2024.(2023 + 1) = 2023.2024 + 2024$ Vì 2023 < 2024 nên A < B	0,25đ 0,25đ 0,5đ